

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST

Ngày: 04-9-2025

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc B.

2. Ông Lê Văn Nh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2025/TLST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1); Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D -Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức danh: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 16/2023/UQN-CTQT ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hoài T1 - chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Số F, Lê Cao D1, phường L, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2025.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị An T2, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh T.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1) trình bày:

Bà Lê Thị An T2 có ký hợp đồng cho vay số LD2116600374, ngày giải ngân 15/06/2021, thời hạn từ ngày 15/06/2021 đến ngày 04/12/2024 và hợp đồng tín dụng số LD2217500407 ngày giải ngân 24/06/2022, thời hạn từ ngày 24/06/2022 đến ngày 04/06/2026 theo đó V1 có cho bà T2 vay với tổng số tiền: 57.700.000 (năm mươi bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Đối với hợp đồng cho vay số LD2116600374, ngày giải ngân 15/06/2021 bà T2 đã thanh toán số tiền 41.465.493 đồng, trong đó gốc là 19.247.068 đồng và lãi 22.218.425 đồng. Bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/10/2023. Tạm tính đến ngày 04/09/2025 bà T2 còn nợ số tiền 36.751.071 đồng, trong đó nợ gốc là 18.552.932 đồng, nợ lãi là 18.198.139 đồng.

Đối với hợp đồng cho vay số LD22175000407, ngày giải ngân 24/06/2022 bà T2 đã thanh toán số tiền 11.188.972 đồng, trong đó gốc là 3.247.470 đồng và lãi là 7.941.502 đồng. Bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/10/2023. Tạm tính đến ngày 04/09/2025 bà T2 còn nợ số tiền 33.707.230 đồng, trong đó nợ gốc là 16.652.530 đồng, nợ lãi là 17.054.700 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng đã ký. Phía V1 đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà T2 thanh toán nhưng bà T2 cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1. Do đó, V1 khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị An T2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 04/09/2025 là 70.458.301 đồng.

Ngoài ra bà Lê Thị An T2 phải thanh toán cho V1 tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 05/09/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Lê Thị An T2 trình bày

Bà Lê Thị An T2 thừa nhận có vay tiền của V1 như ông T1 trình bày. Bà T2 đồng ý số nợ gốc còn lại là 35.205.462 đồng. Bà T2 đồng ý trả nợ gốc 35.205.462 đồng nhưng xin không trả lãi. Đối với số tiền gốc, bà T2 xin trả dần trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm.

Tại phiên tòa các đương sự trình bày

Ông Lê Hoài T1 thay đổi yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là 04/9/2025.

Bà Lê Thị An T2 đồng ý trả nợ gốc 35.205.462 đồng nhưng xin không trả lãi. Đối với số tiền gốc, bà T2 xin trả dần trong thời hạn 06 tháng đến 01 năm.

Các đương sự đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn V1, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị An T2 cư trú tại Ấp A, xã B, tỉnh T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]. Tại bản tự khai, người đại diện của nguyên đơn V1 thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Lê Thị An T2 về số tiền lãi và thời hạn trả lãi tính đến ngày 04/9/2025 là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[4]. *Về yêu cầu của V1:*

[4.1] *Về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc:*

V1 khởi kiện và cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp đồng tín dụng số LD2116600374, ngày giải ngân 15/06/2021, thời hạn từ ngày 15/06/2021 đến ngày 04/12/2024 và hợp đồng tín dụng số LD2217500407 ngày giải ngân 24/06/2022, thời hạn từ ngày 24/06/2022 đến ngày 04/06/2026 theo đó V1 có cho bà Lê Thị An T2 vay với tổng số tiền: 57.700.000 (năm mươi bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Các bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện và lập thành văn bản theo đúng quy định tại Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là V1 đã giải ngân, bà T2 đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hai hợp đồng trên. Vì vậy, hợp đồng tín dụng số LD2116600374, ngày giải ngân 15/06/2021 và hợp đồng tín dụng số LD2217500407 ngày giải ngân 24/06/2022 có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý, buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Do đó, yêu cầu khởi kiện về nợ gốc của V1 đối với bà T2 là có căn cứ chấp nhận. Bà T2 có nghĩa vụ trả nợ gốc còn lại là 35.205.462 đồng.

[4.2] *Về yêu cầu tính lãi:* Lãi suất giữa hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD2116600374, ngày giải ngân 15/06/2021 và hợp đồng tín dụng số LD2217500407 ngày giải ngân 24/06/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của V1 đối với bà T2 được chấp nhận. Bà T2 có nghĩa vụ trả nợ lãi tính đến ngày 04/9/2025 là 35.252.839 đồng.

[5]. Về việc bà Lê Thị An T2 xin trả dần, V1 không đồng ý. Do pháp luật không quy định về việc trả nợ dần nên không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí:

V1 không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Lê Thị An T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đã làm tròn số tiền là: $70.458.301 \text{ đồng} \times 5\% = 3.523.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 117, Điều 119; Điều 463, Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần V (tên viết tắt là V1) đối với bà Lê Thị An T2, buộc bà T2 có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền gốc 35.205.462 (ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ năm ngàn bốn trăm sáu mươi hai) đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/9/2025 là 35.252.839 (ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi hai ngàn tám trăm ba mươi chín) đồng, tổng cộng là số tiền 70.458.301 (bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn ba trăm lẻ một) đồng.

2. Bà Lê Thị An T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 05/9/2025 trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD2116600374, ngày giải ngân 15/06/2021 và hợp đồng tín dụng số LD2217500407, ngày giải ngân 24/06/2022 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

3. Về án phí:

3.1. V1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho V1 số tiền tạm ứng án phí 1.595.000 (một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001414 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-T.

3.2. Bà Lê Thị An T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.743.000 (hai triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn) đồng.

4. V1, bà Lê Thị An T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8- T;
- Phòng.THADS khu vực 8 – T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L